

Số: 2519 /QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công bố kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2021

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Số: 30

ĐẾN Ngày: 15/9/22

Chuyển: B.gđ, H.Đ.T.V.

K.H.

Lưu: V7

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 35/TTr-STC ngày 07 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa –

2

Vũng Tàu năm 2021 (kèm theo biểu Tổng hợp kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Doanh nghiệp năm 2021).

1. Các Doanh nghiệp có trách nhiệm công bố kết quả xếp loại này lên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp. Trong những năm tiếp theo, các Doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc việc lập, gửi các báo cáo đầy đủ chỉ tiêu kèm theo thuyết minh và đúng thời hạn quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả xếp loại này lên trang thông tin điện tử của tỉnh; Sở Tài chính công bố kết quả xếp loại này lên trang thông tin điện tử của Sở.

3. Sở Nội vụ căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại Doanh nghiệp tại các doanh nghiệp nêu trên để tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng đối với người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp năm 2021 nước theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các doanh nghiệp có tên trong danh sách và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Bộ Tài chính (Cục Tài chính Doanh nghiệp);
- Các Sở: TC, NV, KHĐT, LĐT&XH;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH₃(5)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Khánh

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 29 / 8 /2022 của UBND tỉnh)

Tên doanh nghiệp	Chỉ tiêu 1				Chỉ tiêu 2				Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4 Xếp loại doanh nghiệp						
	Doanh thu và thu nhập khác (triệu)		Lợi nhuận sau thuế		Vốn CSH bình quân		Tỷ suất		Khả năng thanh toán nợ		Xếp loại	Nợ quá hạn (tr.đồng)							
	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Đạt tỷ lệ	Xếp loại	Thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Tài sản ngắn hạn (tr.đồng)				Nợ ngắn hạn (tr.đồng)	TSNH/ Nợ NH (lần)				
	Đạt tỷ lệ	Xếp loại	Thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)		Xếp loại					
I Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ (Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh)																			
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh BR-VT	2.891.995	2.864.562	99,1%	B	314.785	376.499	610.000	610.000	51,6%	61,7%	119,6%	A	751.607	326.612	2,30	-	A	A
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp tỉnh BR-VT	40.100	52.811	131,7%	A	1.424	1.351	41.024	41.024	3,5%	3,3%	94,8%	B	29.235	33.970	0,86	-	B	B
II Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ > 50% Vốn điều lệ (Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh)																			
3	Công ty CP Công trình Giao thông	402.500	456.456	113,4%	A	10.100	10.427	110.000	87.591	9,2%	11,9%	129,6%	A	356.682	322.809	1,10	-	A	A
4	Công ty CP Cao su Thống Nhất	93.000	109.589	117,8%	A	30.000	39.270	287.974	287.974	10,4%	13,6%	130,9%	A	224.017	38.051	5,89	-	A	B
5	Công ty CP Du lịch tỉnh	98.000	49.222	50,2%	C	560	(19.148)	197.683	197.683	0,3%	-9,7%	-	C	72.888	46.936	1,55	10.332	C	C
6	Công ty CP XD và phát triển đô thị	411.130	308.848	75,1%	C	3.090	(21.234)	341.326	366.710	0,9%	-5,8%	-	C	557.031	494.924	1,13	71.757	C	C
7	Công ty CP dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu	252.000	262.635	104,2%	A	81.200	84.739	315.348	251.004	25,7%	33,8%	131,1%	A	366.644	45.774	8,01	-	A	A
8	Công ty CP DV Môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu	108.000	108.408	100,4%	A	10.360	11.347	87.500	87.051	11,8%	13,0%	110,1%	A	72.384	14.801	4,89	-	A	A
9	Công ty CP dịch vụ đô thị Bà Rịa	116.200	125.025	107,6%	A	13.448	14.183	49.327	49.483	27,3%	28,7%	105,1%	A	75.740	46.137	1,64	-	A	A
III Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ ≤ 50% Vốn điều lệ (Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh)																			
10	Công ty CP Cấp nước BR-VT	717.330	650.941	90,7%	B	203.030	198.824	985.000	953.047	20,6%	20,9%	101,2%	A	326.488	202.997	1,61	-	A	A
11	Công ty cổ phần Du lịch Quốc tế	10.000	7.005	70,1%	C	500	182	350.000	350.000	0,14%	0,05%	36,4%	C	79.335	2.673	29,68	-	A	C
12	Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Phát triển đô thị huyện Long Điền	47.730	34.069	71,4%	C	4.620	3.560	20.850	17.182	22,2%	20,7%	93,5%	B	19.991	825	24,23	-	A	B
13	Công ty CP Phát triển Công viên cây xanh và Đô thị Vũng Tàu	231.600	229.798	99,2%	B	12.500	12.648	43.931	46.747	28,5%	27,1%	95,1%	B	91.886	89.313	1,03	-	A	B
14	Công ty CP Dịch vụ đô thị Tân Thành	74.000	72.251	97,6%	B	5.900	6.028	31.820	27.477	18,5%	21,9%	118,3%	A	30.247	17.190	1,76	-	A	A

* Ghi chú:

- Chỉ tiêu 4: Tỉnh hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành.